

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 106/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976

Ngụ tại: Ấp PK, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre

***Bi đơn:** Chị Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1982

Ngụ tại: Ấp PH, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (chồng chị T), ngụ tại: ấp PH, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Lê Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn T đồng ý có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận chị N không có yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày chị Nga có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T, anh T chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm

trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Án phí DSST có giá ngạch:

+Chị Lê Thị Mỹ T, anh Nguyễn Văn T cùng liên đới chịu 1.875.000đ (một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

+Chị Nguyễn Thị N chịu 1.875.000đ (một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.550.000đ (bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012628 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Bến Tre. Chị N được hoàn lại số tiền chênh lệch là 2.675.000đ (hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Bích Việt